

**DỰ THẢO**



**HỢP ĐỒNG BẢO LÃNH**  
Số: ..../202.../..../HHBB-.....

*(Ghi chú: Dự thảo Hợp đồng này được soạn thảo theo mẫu đề xuất của Tổ chức tín dụng. Hợp đồng chỉ được ký kết dựa trên kết quả đàm phán từng điều khoản phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của các bên và phù hợp với yêu cầu pháp luật).*

Hợp đồng bảo lãnh (“**Hợp đồng**”) này được lập vào ngày ..... tháng .... năm 202.. giữa các bên sau đây:

**I. Bên bảo lãnh : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương**

Địa chỉ đăng ký : Tầng 15, toà nhà Handico, khu đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp : 0101218757 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp ngày 12/03/2002, đăng ký thay đổi lần 22 ngày 06/12/2021.

Điện thoại : 02437.830.856 Fax: 024.37.830.859

Người đại diện : ..... Chức vụ: .....

**II. Người có nghĩa vụ được bảo đảm : Công ty .....**

Địa chỉ đăng ký : .....

Mã số doanh nghiệp : .....

Điện thoại : ..... Fax : .....

Người đại diện : ..... Chức vụ: .....

và

**II. Bên nhận bảo lãnh : Ngân hàng .....**

Mã số doanh nghiệp : .....

Địa chỉ Trụ sở chính : .....

Đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng : ..... Chi nhánh .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại : .....

Người đại diện : ..... Chức vụ : .....

**NAY**, các bên thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:

**Điều 1. Định nghĩa**

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

“*Người có nghĩa vụ được bảo đảm*” là Công ty .....(với các thông tin nêu tại phần các bên tham gia Hợp đồng ở trên) và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào kế thừa nghĩa vụ (bao gồm cả những người thừa kế của Người có nghĩa vụ được bảo đảm - nếu có), bên nhận chuyển nhượng, bên nhận chuyển giao nghĩa vụ của Công ty ..... trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại hoặc chuyển giao nghĩa vụ của Người có nghĩa vụ được bảo đảm.

“*Bên bảo lãnh/Bên bảo đảm*” là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (với các thông tin nêu tại phần các bên tham gia Hợp đồng ở trên) và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào kế thừa nghĩa vụ (bao gồm cả những người thừa kế của Bên bảo lãnh - nếu có), bên nhận chuyển nhượng, bên nhận chuyển giao nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại hoặc chuyển giao nghĩa vụ của Bên bảo lãnh.

“*Bên nhận bảo lãnh/Bên nhận bảo đảm*” hoặc “*Ngân hàng*” là Ngân hàng ....., trong đó đơn vị đại diện quản lý khách hàng, trực tiếp ký Hợp đồng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Bên nhận bảo lãnh theo Hợp đồng này là Ngân hàng.... Chi nhánh ..... và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào kế thừa quyền, nghĩa vụ, nhận chuyển nhượng, nhận chuyển giao quyền, nghĩa vụ của Bên nhận bảo lãnh trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại hoặc chuyển giao quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng.

“*Hợp đồng cấp tín dụng*” (HĐCTD) là các hợp đồng, thỏa thuận về việc cấp tín dụng thông qua các hình thức: cho vay, bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất, cấp hạn mức thấu chi, phát hành thư tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bao thanh toán và các hình thức cấp tín dụng khác được ký kết giữa Người có nghĩa vụ được bảo đảm với Ngân hàng và các phụ lục, văn bản, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các HĐCTD này như được định nghĩa dưới đây:

“*Hợp đồng tín dụng*” (HĐTD) có nghĩa là Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số .....

## **Điều 2. Nghĩa vụ được bảo lãnh và phạm vi bảo lãnh**

1. Phạm vi bảo lãnh: Bên bảo lãnh đồng ý bảo lãnh cho việc thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ của Người có nghĩa vụ được bảo đảm đối với Ngân hàng (bao gồm nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai) phát sinh từ các Hợp đồng cấp tín dụng như định nghĩa tại Điều 1 Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản bảo đảm (chi phí trông giữ, bảo quản, chi phí định giá, chi phí đăng báo, chi phí bán/ bán đấu giá, chi phí thuê luật sư, tiền phạt ...) và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác, cũng như không giới hạn về giá trị của các HĐCTD (Người có nghĩa vụ được bảo đảm và Ngân hàng có quyền quyết định giá trị của các HĐCTD). Khi ký kết HĐCTD, Ngân hàng và Người có nghĩa vụ được bảo đảm không có trách nhiệm/nghĩa vụ thông báo cho Bên bảo lãnh.

2. Phạm vi bảo lãnh sẽ được giảm trừ tương ứng với phần dư nợ đã được thanh toán.

3. Trách nhiệm của Bên bảo lãnh theo khoản 1 Điều này gồm cả trong trường hợp Người có nghĩa vụ được bảo đảm phải trả nợ trước hạn do vi phạm nghĩa vụ, hoặc theo các thỏa thuận khác được quy định trong HĐCTD ký với Ngân hàng.

4. Nghĩa vụ được bảo lãnh tại Hợp đồng này bao gồm nghĩa vụ của Người có nghĩa vụ được bảo đảm tại Ngân hàng ..... (bao gồm Trụ sở chính, các Chi nhánh và các Phòng Giao dịch trực thuộc).

## **Điều 3. Thời hạn bảo lãnh**

1. Thời hạn bảo lãnh: Nghĩa vụ bảo lãnh của Bên bảo lãnh theo Hợp đồng này có hiệu lực tính từ khi ký kết Hợp đồng và chấm dứt khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người có nghĩa vụ được bảo đảm đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ hình thành trong tương lai theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

b) Bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng này.



c) Bên bảo lãnh/Người có nghĩa vụ được bảo đảm đã có biện pháp bảo đảm thay thế được Ngân hàng chấp thuận theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này.

2. Trường hợp nghĩa vụ theo Hợp đồng này chấm dứt theo thỏa thuận của các bên, thì nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh của Bên bảo lãnh đương nhiên chấm dứt.

#### **Điều 4. Cam đoan và bảo đảm của Bên bảo lãnh**

1. Cam kết vô điều kiện, không hủy ngang nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng này.

2. Bên bảo lãnh cam kết thực hiện nghĩa vụ thay cho Người có nghĩa vụ được bảo đảm trong trường hợp Người có nghĩa vụ được bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ theo HĐCTD, kể cả trong trường hợp Ngân hàng chấm dứt HĐCTD trước hạn và tiến hành các biện pháp thu hồi nợ trước hạn do Người có nghĩa vụ được bảo đảm vi phạm các thỏa thuận trong HĐCTD.

3. Bên bảo lãnh bảo đảm về năng lực hành vi dân sự, thẩm quyền, uy tín, năng lực tài chính để thực hiện thay các nghĩa vụ thanh toán của Người có nghĩa vụ được bảo đảm cho Ngân hàng trong phạm vi bảo lãnh nêu tại Điều 2 Hợp đồng này.

4. Không có thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài hoặc thủ tục xử lý hành chính nào đang diễn ra, đang chờ giải quyết hoặc theo nhận biết của Bên bảo lãnh đe dọa Bên bảo lãnh và tài sản của Bên bảo lãnh có thể tác động đến tính hợp pháp và hiệu lực thi hành của Hợp đồng này.

5. Bên bảo lãnh có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng này và đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ công ty và các thủ tục cần thiết khác để được phép ký kết và thực hiện Hợp đồng này.

6. Ủy quyền không hủy ngang cho Ngân hàng được trích tài khoản tiền gửi của Bên bảo lãnh tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nếu đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà Bên bảo lãnh không thực hiện.

7. Tuân thủ quy định pháp luật và các quy định trong Hợp đồng này.

#### **Điều 5. Các trường hợp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh**

Khi có một trong các trường hợp sau xảy ra, Bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu Bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

1. Khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh nêu tại Điều 2 Hợp đồng này mà Người có nghĩa vụ được bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ.

2. Người có nghĩa vụ được bảo đảm phải thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ hoặc theo các căn cứ khác do pháp luật quy định, nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ.

3. Bất cứ khi nào Ngân hàng có bằng chứng rõ ràng về việc Người có nghĩa vụ được bảo đảm không còn có khả năng thực hiện nghĩa vụ hoặc không có khả năng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình mặc dù nghĩa vụ nêu tại Điều 2 Hợp đồng này chưa đến hạn.

#### **Điều 6. Thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh**

1. Ngân hàng thông báo bằng văn bản cho Bên bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi phát sinh căn cứ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng này.

2. Bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ngay khi nhận được thông báo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng. Ngân hàng phải chứng minh sự vi phạm của Người có nghĩa vụ được bảo đảm, trong trường hợp thông báo đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo khoản 2 điều 5, khoản 3 điều 5 Hợp đồng này.

0101  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA  
LIÊN BANG  
VIỆT NAM  
TẬP  
THỂ  
TỰ LÃNH



## **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên bảo lãnh**

### **1. Quyền của Bên bảo lãnh:**

a) Có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ với tư cách là Bên bảo đảm trong trường hợp dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

b) Yêu cầu Người có nghĩa vụ được bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nếu Người có nghĩa vụ được bảo đảm vẫn còn khả năng thực hiện nghĩa vụ, tuy nhiên quyền này không ảnh hưởng đến việc Bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo yêu cầu của Ngân hàng.

c) Trường hợp Người có nghĩa vụ được bảo đảm và Ngân hàng có xác lập biện pháp bảo đảm để bảo đảm thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ được bảo lãnh, thì sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Bên bảo lãnh sẽ được nhận chính tài sản bảo đảm đó để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của Người có nghĩa vụ được bảo đảm với Bên bảo lãnh.

d) Yêu cầu Người có nghĩa vụ được bảo đảm (i) thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết; (ii) cung cấp các tài liệu về khả năng tài chính, tài liệu liên quan đến giao dịch bảo lãnh; báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính, tình hình thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giao dịch bảo lãnh;

e) Thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vay của Người có nghĩa vụ được bảo đảm; có văn bản đề nghị Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi thấy Người có nghĩa vụ được bảo đảm có dấu hiệu vi phạm pháp luật; vi phạm HĐCTD.

f) Phối hợp với Ngân hàng đôn đốc Người có nghĩa vụ được bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết trong các HĐCTD Người có nghĩa vụ được bảo đảm ký với Ngân hàng.

g) Được Ngân hàng thông báo về các thay đổi nội dung HĐCTD.

### **2. Nghĩa vụ của Bên bảo lãnh:**

a) Trả nợ gốc, lãi vay, phí và tiền phạt (nếu có) thay cho Người có nghĩa vụ được bảo đảm khi Người có nghĩa vụ được bảo đảm không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình về trả nợ cho Ngân hàng theo HĐCTD.

b) Thông báo trung thực về quyền của người thứ ba đối với tài sản chuyển giao cho Ngân hàng để xử lý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;

c) Phải thực hiện biện pháp thế chấp, cầm cố và ký quỹ tài sản khi có yêu cầu của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình Hợp đồng này có hiệu lực nếu như Ngân hàng đưa ra căn cứ hợp lý chứng minh sự giảm sút về năng lực tài chính của Người có nghĩa vụ được bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh. Việc thế chấp, cầm cố, ký quỹ tài sản cụ thể sẽ lập thành Hợp đồng riêng. Trong trường hợp này, Bên bảo lãnh phải bàn giao tài sản, giấy tờ tài sản thuộc sở hữu của mình cho bên nhận bảo lãnh hoặc người thứ ba theo thoả thuận để xử lý trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh.

d) Không được tẩu tán tài sản của mình nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

e) Thực hiện đúng các nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

## **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Người có nghĩa vụ được bảo đảm**

### **1. Quyền của Người có nghĩa vụ được bảo đảm:**

a) Yêu cầu Bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng thoả thuận trong Hợp đồng này.

b) Được Ngân hàng cấp tín dụng theo HĐCTD.

### **2. Nghĩa vụ của Người có nghĩa vụ được bảo đảm:**



a) Cung cấp đầy đủ chính xác các tài liệu, báo cáo liên quan đến giao dịch vay vốn và bảo lãnh vay vốn theo yêu cầu của Bên bảo lãnh và Ngân hàng.

b) Nhận nợ bắt buộc và hoàn trả cho Bên bảo lãnh số tiền Bên bảo lãnh đã trả nợ thay bao gồm cả gốc, lãi và các khoản chi phí phát sinh trực tiếp đến thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

c) Chịu sự kiểm tra của Bên bảo lãnh, Ngân hàng đối với các hoạt động có liên quan đến giao dịch bảo lãnh, vay vốn.

d) Thực hiện đúng các thoả thuận trong HĐCTD; thực hiện đúng các quy định về bảo lãnh tín dụng theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng**

### **1. Quyền của ngân hàng:**

a) Thông báo và yêu cầu Bên bảo lãnh thực hiện bảo lãnh khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Người có nghĩa vụ được bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù nghĩa vụ chưa đến hạn.

b) Sau khi thông báo cho Bên bảo lãnh theo quy định tại Điều 5, 6 Hợp đồng này, có quyền:

- Yêu cầu Toà án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của Bên bảo lãnh, nếu Bên bảo lãnh có dấu hiệu tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ;

- Yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền của Ngân hàng phải chấm dứt hành vi đó, nếu không chấm dứt thì có quyền yêu cầu Toà án, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác buộc người đó phải chấm dứt hành vi vi phạm.

c) Yêu cầu Bên bảo lãnh cầm cố, thế chấp, ký quỹ tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.

d) Có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp, bên nhận cầm cố, bên nhận ký quỹ trong trường hợp Bên bảo lãnh cầm cố, thế chấp, ký quỹ tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

e) Yêu cầu Bên bảo lãnh cung cấp các tài liệu liên quan đến việc bảo lãnh.

f) Xử lý tài sản bảo đảm của Người có nghĩa vụ được bảo đảm (nếu có) theo các điều khoản của Hợp đồng bảo đảm ký giữa Người có nghĩa vụ được bảo đảm và Ngân hàng và các quy định của pháp luật. Việc lựa chọn thực hiện biện pháp bảo đảm nào trước (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng này hay xử lý tài sản bảo đảm theo các điều khoản của Hợp đồng bảo đảm của Người có nghĩa vụ được bảo đảm với Ngân hàng) là do Ngân hàng toàn quyền quyết định.

g) Các quyền khác theo Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

### **2. Nghĩa vụ của Ngân hàng:**

a) Trả lại tài sản bảo đảm (nếu có) cho Bên bảo lãnh khi Người có nghĩa vụ được bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ được bảo lãnh.

b) Thực hiện các cam kết với Người có nghĩa vụ được bảo đảm tại các HĐCTD được bảo đảm bằng Hợp đồng này.

## **Điều 10. Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh**

1. Trong thời hạn 05 ngày (trừ trường hợp Ngân hàng xác định một thời hạn thực hiện bảo lãnh cụ thể (nếu có) trong Thông báo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh) kể từ ngày Ngân hàng có văn bản yêu cầu được chuyển tới Bên bảo lãnh theo quy định tại Điều 12 Hợp đồng này với (i) lý do





quy định tại Điều 5 Hợp đồng này (mà không cần phải với bất kỳ một tài liệu, giấy tờ, chứng minh nào, tuy nhiên trường hợp cần thiết, với toàn quyền quyết định (không phải là nghĩa vụ), Ngân hàng có thể xem xét gửi cho Bên bảo lãnh một số giấy tờ tài liệu có liên quan đến yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh) và (ii) số tiền yêu cầu thực hiện bảo lãnh cụ thể trong phạm vi số tiền bảo lãnh, Bên bảo lãnh phải chuyển ngay vô điều kiện số tiền theo yêu cầu cho Ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Người có nghĩa vụ được bảo đảm.

#### **Điều 11. Thay đổi biện pháp bảo đảm**

Bên bảo lãnh có thể thay đổi biện pháp bảo lãnh bằng hình thức bảo đảm khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Trường hợp này, Ngân hàng và Bên bảo lãnh sẽ ký Hợp đồng mới.

#### **Điều 12. Các quy định khác**

1. Thông báo: Mọi thông báo và thư từ giao dịch giữa hai bên phải được lập thành văn bản, có chữ ký (con dấu) của người có thẩm quyền và phải gửi theo địa chỉ nêu tại phần giới thiệu trong hợp đồng này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bằng văn bản). Trường hợp Bên bảo lãnh thay đổi địa chỉ mà không thực hiện thông báo cho ngân hàng thì được hiểu địa chỉ đã thỏa thuận không thay đổi và Bên bảo lãnh phải chịu mọi trách nhiệm liên quan đến việc không cập nhật địa chỉ mới cho Ngân hàng.

2. Xác định Bên bảo lãnh nhận được thông báo:

a) Gửi thông báo và thư từ giao dịch thông qua Công ty dịch vụ chuyển phát: Trong mọi trường hợp, Bên bảo lãnh coi như đương nhiên đã nhận được thông báo/thư từ giao dịch do Ngân hàng gửi cho Bên bảo lãnh khi Ngân hàng gửi thông qua Công ty dịch vụ chuyển phát (nếu sau 03 ngày làm việc Công ty dịch vụ chuyển phát không trả lại thông báo/ thư từ giao dịch cho Ngân hàng).

b) Gửi thông báo và thư từ giao dịch trực tiếp: Ngân hàng thực hiện chuyển trực tiếp thông báo/thư từ giao dịch cho Bên bảo lãnh. Trường hợp Bên bảo lãnh không nhận hoặc Bên bảo lãnh không có tại địa chỉ nêu tại hợp đồng này, Ngân hàng thực hiện chuyển thông báo/thư từ giao dịch đến UBND xã/phường nơi có địa chỉ nêu tại hợp đồng này. Bên bảo lãnh coi như đương nhiên đã nhận được thông báo/thư từ giao dịch khi Ngân hàng chuyển thông báo/thư từ giao dịch một nội dung đến UBND xã/phường lần thứ 3 (ba).

3. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng: Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được các bên thỏa thuận bằng văn bản do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký; những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung điều khoản tương ứng trong Hợp đồng này, các nội dung còn lại không được sửa đổi, bổ sung giữ nguyên hiệu lực.

4. Chuyển giao quyền và nghĩa vụ:

a) Bên bảo lãnh không được chuyển nhượng, chuyển giao, hoán đổi hoặc định đoạt bất kỳ quyền, quyền lợi và/hoặc nghĩa vụ nào của mình theo quy định tại Hợp đồng này mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng.

b) Ngân hàng có thể chuyển nhượng, chuyển giao cho bên thứ ba các quyền của mình theo Hợp đồng này và phù hợp với HĐCTD được bảo đảm bằng Hợp đồng này.

5. Luật áp dụng, giải quyết tranh chấp:

a) Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

b) Mọi bất đồng phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa hai bên. Trường hợp không tự thương lượng được thì các bên đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

c) Các bên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn.

#### **Điều 13. Điều khoản thực hiện**

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc trong các trường hợp sau:
  - a) Nghĩa vụ bảo lãnh đã được các bên thực hiện đầy đủ.
  - b) Nghĩa vụ bảo lãnh chấm dứt theo quy định của pháp luật.
  - c) Người có nghĩa vụ được bảo đảm đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng.
  - d) Ngân hàng đồng ý huỷ bỏ bảo lãnh theo các quy định của pháp luật.
  - e) Việc bảo lãnh được thay thế bằng biện pháp đảm bảo khác theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này.
2. Sau khi Hợp đồng chấm dứt, coi như được thanh lý. Trường hợp cần thiết, một bên có thể yêu cầu bên kia lập biên bản thanh lý hợp đồng.
3. Hợp đồng này được lập thành 05 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Bên bảo lãnh giữ 01 bản, Người có nghĩa vụ được bảo đảm giữ 01 bản.

**BÊN BẢO LÃNH**

**NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ  
ĐƯỢC BẢO ĐẢM**

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG**



